# PHỤ LỤC

# DANH MỤC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhiệm vụ** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Thời gian thực hiện** | **Thời gian hoàn thành** | **Kết quả** | Ghi chú |
| **1** | **Bảo tồn, đẩy nhanh quá trình phục hồi rừng, các hệ sinh thái trên cạn** | | | | | | |
| 1.1 | Tích hợp các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng, bảo tồn các hệ sinh thái rừng... của nội dung quy hoạch lâm nghiệp vào trong Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch quốc gia như: Quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch bảo vệ môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) | Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các bên liên quan. | 2023 |  |  | Đã triển khai việc tích hợp quy hoạch lâm nghiệp vào Quy hoạch tỉnh |
| 1.2 | Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp và các chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 được các cơ quan Trung ương và UBND tỉnh phê duyệt nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi rừng, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) | Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các bên liên quan. | 2022 | 2030 | Báo cáo kết thực hiện | Đã triển khai Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 03/3/2023, Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 |
| 1.3 | Triền khai thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án, dự án về bảo tồn, phục hồi rừng, phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái, ngăn ngừa chuyển đổi phá hủy hệ sinh thái, các cảnh quan tự nhiên quan trọng, góp phần thực hiện Tuyên bố Thập kỷ 2021 - 2030 là Thập kỷ Liên hợp quốc về phục hồi hệ sinh thái. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) | Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các bên liên quan. | 2025 | 2030 | Báo cáo kết thực hiện/ | Sau khi các chương trình, đề án, dự án về bảo tồn, phục hồi rừng…được Chính phủ phê duyệt |
| 1.4 | Quản lý xung đột, tranh chấp về rừng và sử dụng đất; rà soát, thống kê hiện trạng rừng và đất rừng có tranh chấp, chồng lấn giữa lâm nghiệp và lĩnh vực khác; xây dựng và triển khai kế hoạch giải quyết các tranh chấp về đất và rừng; thực hiện đóng mốc ranh giới giữa các chủ rừng, thống nhất ranh giới rừng trên bản đồ và thực địa, ưu tiên ở khu vực có nguy cơ xâm hại cao, dễ xảy ra tranh chấp; xử lý những tồn tại, vướng mắc về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh tại địa phương; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật, hoàn thành các mục tiêu về giải quyết đất ở, đất sản xuất theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội |  |  |  |  |  |  |
| 1.4.1 | Quản lý xung đột, tranh chấp về rừng và sử dụng đất; đánh giá hiện trạng rừng và đất đang có tranh chấp trên toàn tỉnh; xây dựng và triển khai kế hoạch giải quyết các tranh chấp về rừng và đất; xác định ranh giới trên bản đồ và thực địa, ưu tiên đóng mốc ranh giới diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ ở khu vực nhạy cảm, để xảy ra tranh chấp; xử lý những tồn tại, vướng mắc về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh tại địa phương, bao gồm: |  |  |  |  |  |  |
| - | Rà soát, tổng hợp, đánh giá diện tích rừng đang có tranh chấp trên toàn tỉnh; đồng thời, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết các tranh chấp diện tích rừng; Rà soát, xác định rõ cơ cấu ba loại rừng trên bản đồ và ngoài thực địa | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) | Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện; chủ rừng; các đơn vị liên quan | 2023 | 2025 | Báo cáo kết quả | Đã triển khai theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 (điểm 1.1 Mục c) |
| - | Rà soát, thống kê xác định chính xác trên bản đồ và ngoài thực địa diện tích đất, rừng chồng lấn và tranh chấp với các chủ thể khác | UBND cấp huyện; Các đơn vị chủ rừng | Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; các đon vị liên quan | 2024 | Tháng 12 năm 2024 | Báo cáo kết quả thực hiện |  |
| - | Rà soát, thống kê xác định diện tích, đối tượng, hiện trạng sử dụng đất, vật kiến trúc trên diện tích đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm (phân định rõ trên bản đồ và ngoài thực địa) để sản xuất nông nghiệp | UBND cấp huyện; Các đơn vị chủ rừng | Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; các đon vị liên quan |  |
| - | Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Phương án sử dụng đất; Phương án quản lý rừng bền vững đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; Cắm mốc ranh giới 3 loại rừng tại thực địa để ổn định lâm phận các khu chức năng bền vững. Mốc ranh giới các khu rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất phải ổn định, rõ ràng, có bảng hiệu chỉ dẫn để dễ nhận biết giữa bản đồ và ngoài thực địa. | Các đơn vị chủ rừng | Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường; các đon vị liên quan | 2023 | 2025 | Báo cáo kết quả | Đã triển khai theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục II, Phụ lục 03) |
| - | Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm và giai đoạn 5 năm 2021-2025; tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện; phương án sử dụng đất của các đơn vị chủ rừng | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND cấp huyện; chủ rừng; các đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả/Quyết định phê duyệt | Đã triển khai theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục II, Phụ lục 03) |
| - | Hoàn thành việc đo đạc lập bản đồ địa chính; xây dựng cơ sở dữ liệu đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh | Sở Tài nguyên và Môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện; chủ rừng; các đơn vị liên quan | 2023 | 2025 | Báo cáo kết quả | Đã triển khai theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục II, Phụ lục 03) |
| - | Đánh giá hiện trạng sử dụng đất đang có tranh chấp trên toàn tỉnh; đồng thời, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết các tranh chấp về đất; Rà soát hiện trạng sử dụng đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; xác định diện tích đất sử dụng không đúng mục đích, không sử dụng, đang giao khoán, cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, bị lấn, bị chiếm và đang có tranh chấp để xử lý, thu hồi giao cho đồng bào dân tộc thiểu số không có đất hoặc thiếu đất sản xuất ở địa phương và các chủ thể có năng lực sử dụng hiệu quả, phát huy lợi thế quỹ đất tập trung |
| - | Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh ranh giới, đo đạc,cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ quản lý địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất, rừng giao, cho thuê cho các chủ rừng quản lý (các công ty lâm nghiệp quốc doanh, các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; các dự án sản xuất nông lâm nghiệp và các tổ chức khác trên địa bàn tỉnh). | Sở Tài nguyên và Môi trường | Các Sở, ngành; các đơn vị liên quan. | 2023 | 2030 | Quyết định/Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục II, Phụ lục 03) |
| - | Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh ranh giới, đo đạc,cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ quản lý địa chính, cắm mốc ranh giới và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật về lâm nghiệp | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Sở Tài nguyên và Môi trường; các đơn vị liên quan | 2023 | 2030 | Quyết định/Báo cáo kết quả thực hiện | Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 |
| - | (**i**) Kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật đất đai (trong đó có đất lâm nghiệp); lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất đối với các dự án đầu tư không hiệu, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; (**ii**) Giải quyết, xử lý tranh chấp, khiếu nại về đất đai, trong đó quan tâm giải quyết dứt điểm tranh chấp, khiếu nại về đất đai giữa nông, lâm trường đối với các tổ chức, cá nhân.... | Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện | Chủ rừng; các đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục II, Phụ lục 03) |
| 1.4.2 | Giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của pháp luật, hoàn thành các mục tiêu về giải quyết đất ở, đất sản xuất theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan |  |  |  |  |
| - | Quản lý chặt chẽ dân cư, không để người dân sinh sống, cư trú, xây dựng các công trình trái phép trên đất lâm nghiệp; lập hồ sơ xử lý, cưỡng chế, giải tỏa các trường hợp vi phạm. Chỉ đạo UBND cấp xã tăng cường quản lý về hộ tịch, hộ khẩu; thường xuyên kiểm tra và trục xuất các đối tượng không có đăng ký hộ khẩu trên địa bàn. | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 (Điểm 10.3, Mục III) |
| - | Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2022-2025 | 2030 | Quyết định/Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tại Kế hoạch số 637/KH-UBND ngày 02/11/2022 (Điểm 1, Mục IV) |
| - | Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2022-2025 |  | Quyết định/Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tại Kế hoạch số 637/KH-UBND ngày 02/11/2022 (Điểm 2, Mục IV) |
| - | Triển khai thực hiện Đề án ổn định dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn); | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2022-2025 | 2030 | Quyết định/Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tai Quyết định số 1740/QĐUBND ngày 28/10/2022 |
| 1.5 | Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành (Công an, Quân đội, Hải quan, Quản lý thị trường...) để thực thi pháp luật lâm nghiệp cho kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; tăng cường đầu tư trang thiết bị và công cụ hỗ trợ, ứng dụng công nghệ trong bảo vệ rừng, theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; triển khai đầy đủ, đảm báo các chế độ, chính sách (trong đó có chính sách đặc thù nếu có) cho lực lượng kiểm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách. |  |  |  |  |  |  |
| *-* | Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành (Công an, Quân đội, Hải quan, Quản lý thị trường...) để thực thi pháp luật lâm nghiệp cho kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; tăng cường đầu tư trang thiết bị và công cụ hỗ trợ, ứng dụng công nghệ trong bảo vệ rừng, theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm); các đơn vị chủ rừng | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả | Đã Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 16/3/2023; Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục III, Phụ lục 03) |
| - | Triển khai đầy đủ, đảm báo các chế độ, chính sách (trong đó có chính sách đặc thù nếu có) cho lực lượng kiểm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các đơn vị chủ rừng | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả |  |
| 1.6 | Rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế, xã hội có tác động tiêu cực đến diện tích rừng; quản lý, giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; dự án chuyển đổi rừng sang trồng cao su, sản xuất nông nghiệp. Kiến nghị thu hồi các dự án đầu tư thực hiện không hiệu quả, vi phạm pháp luật đất đai, lâm nghiệp | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2023 | 2030 | Báo cáo kết quả | Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục II, Phụ lục 03) |
| 1.7 | Xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học rừng có giá trị bảo tồn cao (cấp hệ sinh thái, loài); theo dõi, giám sát đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng có giá trị bảo tồn cao; đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động điều tra, giám sát đa dạng sinh học của rừng. | Các ban quản lý rừng đặc dung, phòng hộ, các công ty lâm nghiệp | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2023 | 2030 | Báo cáo kết quả | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục VI, Phụ lục 03) ( |
| **2** | **Phối hợp xây dựng và hoàn thiện chính sách thương mại trong nước và quốc tế, thúc đẩy phát triển sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững để đạt được lợi ích chung, không làm mất rừng và suy thoái đất** | | | | | | |
| - | Tuyên truyền quy định Chống mất rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) và quy định pháp luật về sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp có nguồn gốc hợp pháp và không gây mất rừng phù hợp với các cam kết quốc tế và điều kiện của Việt Nam. | Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ban ngành, đơn vị liên quan | 2024 | 2030 | Báo cáo kết quả |  |
| - | Phối hợp cơ quan Trung ương xây dựng, hoàn thiện quy định của pháp luật về sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm nông, lâm nghiệp có nguồn gốc hợp pháp, phù hợp với các cam kết quốc tế và điều kiện của Việt Nam; thúc đẩy hoạt động quản lý rừng bền vững. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2024 | 2025 | Văn bản góp ý |  |
| **-** | Triển khai thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát triển giá trị đa mục đích của hệ sinh thái rừng, sử dụng đất bền vững, đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế về sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm nghiệp không gây mất rừng và suy thoái đất | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2026 | 2030 |  | Sau khi các chính sách được các cơ quan Trung ương ban hành |
| *-* | Thúc đẩy tổ chức sản xuất các sản phẩm nông, lâm nghiệp bền vững theo chuỗi, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại và mở rộng thị trường các sản phẩm nông, lâm sản. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2027 |  |  |
| **3** | **Giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương của rừng và đất, tăng cường khả năng phục hồi và nâng cao sinh kế nông thôn thông qua trao quyền cho cộng đồng, củng cố hệ thống quản lý đất, phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị đa mục đích của rừng; đồng thời đảm bảo các quyền của người dân và các cộng đồng dân cư địa phương theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế** | | | | | | |
| 3.1 | Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái rừng, đất và sinh kế của cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao khả năng chống chịu và giảm nhẹ tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu, tập trung vào một số hoạt động sau: | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan | 2026 |  |  | Sau khi các cơ quan Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn |
| - | Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của các hệ sinh thái rừng, các loại hình sử dụng đất khác, và sinh kế của cộng đồng địa phương trong điều kiện biến đổi khí hậu |
| - | Xây dựng và triển khai các giải pháp giảm nhẹ tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu và tăng cường khả năng chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu. |
| 3.2 | Triển khai các chính sách phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng và cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gồm: | UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa |  |  |  |  |  |
| - | Triển khai thực hiện Đề án bảo tồn và phát triển dược liệu tỉnh Đắk Nông | Sở Y tể | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2022 |  | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai theo Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 |
| - | Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng theo các phương án quản lỷ rừng bền vững được phê duyệt. | Các đơn vị chủ rừng | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2023 |  | Báo cáo kết quả thực hiện | Các đơn vị chủ rừng đã triển khai theo PẢBV |
| - | Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | UBND các huyện, phố Gia Nghĩa | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2022 | 2030 | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai theo Kế hoạch 589/KH-UBND ngày 14/9/2022 (tiết 3.2 điểm 3 mục IV) |
| - | Hỗ trợ các cộng đồng/hộ dân nhận giao đất giao rừng thử nghiệm các mô hình sinh kế dưới tán rừng (trồng các loài cây dược liệu, LSNG dưới tán rừng...) phù hợp với năng lực tài chính và lao động của hộ, không làm suy giảm diện tích, chất lượng rừng được giao quản lý | UBND các huyện, phố Gia Nghĩa | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục 3.4-Phụ lục 03a) |
| 3.3 | Triển khai thực hiện việc giao diện tích rừng và đất rừng (do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý) cho hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ và phát triển rừng theo quy định pháp luật về đất đai, lâm nghiệp; thực hiện chính sách khoán rừng cho cộng đồng dân cư và người dân sống phụ thuộc vào rừng gắn việc khoán quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo hướng đảm bảo hài hoà, gắn kết giữa nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức, cá nhân được giao khoán với đơn vị chủ rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. |  |  |  |  |  |  |
| - | (**i**) Đánh giá hiện trạng diện tích rừng và đất lâm nghiệp, các trạng thái rừng tự nhiên đang do UBND xã quản lý; (**ii**) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giao đất, giao rừng, cho thuê đất, thuê rừng *(toàn bộ diện tích đất, rừng chưa giao, chưa cho thuê; diện tích đất, rừng đang tạm giao)* đảm bảo theo quy định của luật đất đai, luật lâm nghiệp nhằm đến năm 2030 toàn bộ diện tích rừng đều có chủ thể quản lý | UBND các huyện, thành phố | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2021 | 2030 | Quyết định/báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục 3.4-Phụ lục 03a) |
| - | Thực hiện khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư và người dân sống phụ thuộc vào rừng gắn việc khoán quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo hướng đảm bảo hài hoà, gắn kết giữa nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức, cá nhân được giao khoán với đơn vị chủ rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng | Các BQL rừng đặc dụng, phòng hộ; UBND các huyện, thành phố | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2021 | 2030 | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục 3.4-Phụ lục 03a); Kế hoạch 589/KH-UBND ngày 14/9/2022 (tiết 3.1 điểm 3 mục IV) |
| 3.4 | Hỗ trợ phát triển sinh kế và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững, không gây mất rừng cho các cộng đồng dân cư ở vùng đệm rừng đặc dụng và khu vực tiếp giáp rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên: |  |  |  |  |  |  |
| - | Hỗ trợ cộng đồng dân cư ở vùng đệm rừng đặc dụng và khu vực tiếp giáp rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên gắn bảo vệ rừng | Các BQL rừng đặc dụng, phòng hộ; các công ty lâm nghiệp | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2022 | 2030 | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 07/10/2022; Phương án của khoán của các chủ rừng |
| - | Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển rừng tự nhiên gắn với phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2023 | 2030 | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 |
| - | Triển khai, hướng dẫn thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Dự án đã ban hành để phát triển các loài cây đa mục đích trên diện tích ngoài quy hoạch lâm nghiệp, đặc biệt chú trọng phát triển các loài cây đã được công nhận là cây trồng đa mục đích được tính vào độ che phủ rừng và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững, không gây mất rừng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục PTNN) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2023 | 2030 | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục 4.3. Phụ lục 03a) |
| - | Rà soát và xác định vùng trồng thích hợp đối với các loài cây đa mục đích trên diện tích ngoài quy hoạch lâm nghiệp theo định hướng vùng trồng của các cơ quan chuyên môn. Khi xác định vùng cần tích hợp phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của các vùng không thích nghi đã được xác định cho các loại cây trồng chủ lực. Cần công bố công khai định hướng vùng trồng tại các địa phương, định hướng nông hộ lựa chọn cây trồng chủ lực phù hợp, thâm canh theo nhóm cây trồng dựa trên phân tích thích nghi theo Phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. |
| - | Rà soát, chuyển dịch cơ cấu cây trồng (các loài cây công nghiệp Cà phê, Tiêu, Chè,…) đã được xác định vùng thích hợp để chuyển đổi cơ cấu cây theo phương thức trồng xen hoặc chuyển đổi loài cây sang trồng thuần các loài cây đa mục đích như Mắc ca, Điều…gắn với việc liên kết sản xuất, tập trung đất đai để hình thành vùng trồng các loài cây đa mục đích như Mắc ca, Điều tập trung nhằmgóp nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, phát triển kinh tế bền vững, không gây mất rừng |
| 3.5 | Phát triển và sử dụng có hiệu quả các giá trị của rừng, phối hợp xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm phát triển kinh tế dưới tán rừng thông qua mô hình nông, lâm kết hợp; phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên; mở rộng dịch vụ môi trường rừng: |  |  |  |  |  |  |
| - | Phối hợp xây dựng Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2023 |  |  | Đã có văn bản góp ý |
| - | Triển khai thực hiện Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên; | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2026 |  | Báo cáo kết quả thực hiện | Sau khi Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt |
| 3.6 | Triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng và cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon rừng để đáp ứng các yêu cầu của thị trường các-bon trong nước và quốc tế, đóng góp cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của ngành và quốc gia nhằm tạo nguồn tài chính bền vững cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. |  |  |  |  |  |  |
| - | Thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiệm cận và thí điểm mở rộng chi trả dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | Hàng năm |  | Báo cáo kết quả/Quyết định | Đã triển khai tại Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 |
| - | Triển khai chính sách chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng và cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon rừng để đáp ứng các yêu cầu của thị trường các-bon trong nước và quốc tế, đóng góp cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của ngành và quốc gia nhằm tạo nguồn tài chính bền vững cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng | 2026-2030 |  |  | Sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản hướng dẫn |
| 3.7 | Triển khai các giải pháp nâng cao khả năng chống chịu và giảm nhẹ tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu, trong đó tập trung triển khai một số hoạt động gồm: **i**) Triển khai các giải pháp giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch ở các cấp; lựa chọn và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm nhẹ tác động, tình trạng dễ bị tổn thương; tổn thất và thiệt hại ở các vùng trọng điểm; **ii)** Tổng kết, đánh giá và xây dựng chương trình, kế hoạch cho giai đoạn sau năm 2030 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2026-2030 |  |  | Sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản hướng dẫn |
| 3.8 | Thực hiện trách nhiệm quốc gia thành viên Công ước của Liên hợp quốc về Chống sa mạc hóa; triển khai Chương trình hành động quốc gia về chống sa mạc hóa và suy thoái đất. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2026-2030 |  |  | Sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản hướng dẫn |
| **4** | **Thực hiện hiệu quả chính sách, chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ môi trường** | | | | | | |
| 4.1 | Triển khai chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp mới theo hướng tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường tính chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, đáp ứng yêu cầu của thị trường. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2026 |  |  | Sau khi các cơ chê, chính sách được Chính phủ ban hành |
| 4.2 | Triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp mới, các vùng sản xuất chuyên canh, đáp ứng yêu cầu của thị trường, như: nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên và phát thải thấp; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, dịch vụ. |  |  |  |  |  |  |
| - | Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2035 | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2023 | 2035 | Báo cáo kết quả thực hiện | Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 |
| - | Tổ chức sản xuất, phát triển các trang trại, hợp tác xã để phát triển sinh kế gắn với bảo vệ và phát triển rừng; khuyến khích và thu hút các doanh nghiệp liên kết với người dân để sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và đầu tư phát triển hạ tầng, đặc biệt là đối với những vùng/khu vực bố trí dân di cư tự do. | UBND các huyện, thành phố | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2023 | 2030 | Báo cáo kết quả thực hiện | Triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 |
| - | Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, ứng dụng các biện pháp canh tác bền vững, thâm canh, tăng vụ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tại các vùng bố trí dân di cư tự do. | UBND các huyện, thành phố | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả thực hiện | Triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 |
| 4.3 | Xây dựng chuỗi giá trị rừng từ trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu, trong đó tập trung phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với doanh nghiệp thu mua chế biến để nâng cao giá trị, chất lượng và nguồn gốc sản phẩm nhằm tiến đến quy trình khép kín phục vụ cho phát triển ngành gỗ bền vững. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả thực hiện | Triển khai tại  Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 |
| 4.4 | Hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm sản không gây mất rừng và suy thoái rừng; các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nông, lâm nghiệp đáp ứng các yêu cầu của thị trường; Chuyển giao quy trình trồng cho từng loài cây đa mục đích cho từng tiểu vùng sinh thái khác nhau, thực hiện và áp dụng các quy trình sản xuất các loài cây đa mục đích theo hướng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP...), nông nghiệp hữu cơ nhằm tạo ra sản phẩm từ các loài cây đặc sản, cây đa mục đích chất lượng, an toàn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông nghiệp) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả thực hiện | Triển khai tại  Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 |
| **5** | **Tăng cường khả năng tiếp cận, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính trong nước và quốc tế, hợp tác công tư để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số; lồng ghép các nguồn tài chính nhằm hạn chế tình trạng mất và suy thoái rừng; thực hiện các cơ chế, chính sách hiệu lực, hiệu quả để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt các mục tiêu quốc tế về quản lý rừng và sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu** | | | | | | |
| 5.1 | Tiếp cận, thúc đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế và hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2026 |  |  | Sau khi Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản hướng dẫn |
| 5.2 | Triển khai thực hiện, rà soát, đánh giá, đề nghị cấp có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2026-2030 |  | Báo cáo kết quả thực hiện |  |
| 5.3 | Thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế; khai thác các tiềm năng dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, dịch vụ hấp thụ Cacbon...nhẳm tăng kinh phí cho công tác bảo vệ và phát triển rừng | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn(Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả/Quyết định | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 |
| 5.4 | Thúc đẩy thực hiện các sáng kiến, cơ chế tài chính mới về tài chính khí hậu, tín dụng xanh, mở rộng dịch vụ môi trường rừng, thị trường các-bon rừng nhằm tạo nguồn tài chính bền vững cho quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi rừng, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số: |  |  |  |  |  |  |
| - | Đánh giá tiềm năng giảm phát thải và hấp thụ các-bon; nghiên cứu quyền các-bon rừng; | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn(Chi cục Kiểm lâm) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2024-2025 |  |  | Sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản hướng dẫn |
| - | Triển khai vận hành cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất; | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn(Chi cục Kiểm lâm) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2025-2026 |  |  | Sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính; hướng dẫn việc đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất |
| - | Phối hợp xây dựng chính sách đảm bảo phát huy đầy đủ những giá trị mà rừng tạo ra và cung cấp cho xã hội để tạo nguồn tài chính ổn định, bền vững để phát triển ngành, đặc biệt là mở rộng dịch vụ môi trường rừng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn(Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2024-2025 |  |  | Khi Bộ Nông nghiệp và PTNT có văn bản yêu cầu |
| - | Triển khai các hoạt động liên quan đến dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn(Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2026 |  |  | Sau khi Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản hướng dẫn |
| **6** | **Lồng ghép các nguồn tài chính nhằm hạn chế tình trạng mất rừng và suy thoái rừng, có các cơ chế, chính sách hiệu lực, hiệu quả để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có khả năng phục hồi và đạt được các mục tiêu quốc tế về quản lý rừng, sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu** | | | | | | |
| 6.1 | Rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách phân bổ, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư thông qua kế hoạch đầu tư công hàng năm, trung hạn, dài hạn để phân bổ, bố trí các chương trình, dự án, đề án phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và sử dụng đất bền vững. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2024 | 2030 | Quyết định phê duyệt phân bổ kinh phí | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục XI, XII. Phụ lục 03a) |
| 6.2 | Thực hiện việc rà soát, bố trí kinh phí đầu tư, hỗ trợ đầu tư, kinh phí sự nghiệp, hỗ trợ các tổ chức quốc tế và tổ chức trong nước để bố trí cho chương trình, dự án, đề án phát triển nông, lâm nghiệp để quản lý rừng và sử dụng đất bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu: Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, trồng rừng nguyên liệu, trồng rừng gỗ lớn, phát triển rừng nông lâm kết hợp... *(trong đó có việc lồng ghép sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, chính sách nông nghiệp của tỉnh...).* | Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | 2023 | 2030 | Quyết định phê duyệt phân bổ kinh phí | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục XI, Phụ lục 03a) |
| 6.3 | Thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế; tiếp cận và tham gia thị trường Carbon nhằm huy động tối đa nguồn thu từ các dịch vụ có liên quan đến rừng nhẳm tăng kinh phí cho công tác bảo vệ và phát triển rừng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng) | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả/Quyết định | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục XI, Phụ lục 03a) |
| 6.3 | Huy động và gắn kết các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án để nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ phát triển rừng, trồng rừng nguyên liệu, trồng rừng gỗ lớn. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, chính sách nông nghiệp của tỉnh... để hỗ trợ, thúc đẩy trồng rừng sản xuất | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các sở, ban ngành; đơn vị liên quan | Thường xuyên | Thường xuyên | Báo cáo kết quả thực hiện | Đã triển khai tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (Mục XI, Phụ lục 03a) |

55ggg